

# NGHIÊN CỨU THỰC CHỨNG HIỆU ỨNG KỶ LUẬT THỊ TRƯỜNG<sup>1</sup> NGÀNH NGÂN HÀNG VIỆT NAM

TS. Nguyễn Chí Đức<sup>2</sup>

PGS. TS. Nguyễn Minh Kiều<sup>3</sup>

ThS. Hoàng Trọng<sup>4</sup>

## TÓM TẮT

Nghiên cứu này vận dụng số liệu của 21 Ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam từ năm 2003 – 2010, xem xét liên hệ giữa chi phí huy động tiền gửi với mức độ rủi ro trong hoạt động của các NHTM, và giữa tỷ lệ tăng trưởng tiền gửi hàng năm với mức độ rủi ro trong hoạt động của các NHTM, để phản ánh được hiện trạng kỷ luật thị trường ngành ngân hàng (NH) Việt Nam giai đoạn 2003-2010. Kết quả nghiên cứu cho thấy kỷ luật thị trường ngành NH Việt Nam có tồn tại nhưng rất yếu. Ngoài ra tác giả cũng tiến hành phân tích kỷ luật thị trường từng loại hình NHTM - NHTM nhà nước (NHTMNN) và NHTM cổ phần (NHTMCP), để làm rõ thêm một số nguyên nhân gây ra hiện tượng trên. Cuối cùng tác giả gợi ý một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu ứng kỷ luật thị trường ngành NH Việt Nam - một yếu tố cấu thành của hệ thống giám sát tài chính NH.

## ABSTRACT

Using the panel data in 2003 – 2010 of 21 Vietnamese Commercial banks, this paper examines the relationship between deposit interest rates and banks' risks as well as the relationship between annual deposit growth and the risks, in order to reflect market discipline of Vietnamese Banking in the same period. Results show that the market discipline exists but in a weak degree, the above-mentioned relationships are unclear. Furthermore, through the analysis of market discipline depending on banking classification (state-owned commercial banks, joint-stock commercial banks), the author makes it clearer to find out causes of these phenomena. Finally, the author suggests some solutions to enhance effects of market discipline - a component of the Vietnamese banks' financial supervision system.

## 1. SỰ CẦN THIẾT CỦA NGHIÊN CỨU

Kỷ luật thị trường chính là nhấn mạnh sự công khai minh bạch thông tin kinh doanh của các NHTM, cho phép người tham gia thị trường đánh giá các thông tin chủ chốt, đánh giá độ rủi ro của các NHTM. Kỷ luật thị trường có thể góp phần cho môi trường hoạt động NH an toàn và lành mạnh, các tổ chức giám sát NH có thể yêu cầu các NHTM phải cung cấp thông tin cho thị trường, điều này giúp

cho các chủ thể liên quan giám sát hoạt động NHTM – một yếu tố cấu thành của hệ thống giám sát NH (Hệ thống giám sát ngân hàng gồm yếu tố cấu thành sau: cơ quan giám sát của nhà nước, cơ chế kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, kỷ luật thị trường, cơ chế hợp tác giám sát quốc tế; và các thành phần khác như: tổ chức bảo hiểm tiền gửi, hội ngành tài chính NH, các tổ chức đánh giá tín nhiệm,...<sup>5</sup>. Ví dụ như,

<sup>1</sup>Market discipline

<sup>2</sup>ĐH Ngân Hàng, TP HCM, doctoral student at Tongji University, Shanghai, China from September, 2008 to June, 2011.

<sup>3</sup>ĐH Mở, TP HCM.

<sup>4</sup>ĐH Kinh tế, TP HCM.

<sup>5</sup>Theo kết cấu luận văn “Xây dựng hệ thống giám sát ngân hàng Việt Nam và bài học từ Trung quốc” của NCS Nguyễn Chí Đức, Trường Đại Học Đồng Tế, Thượng Hải, Trung Quốc.

nếu những người có lợi ích liên quan cho rằng rủi ro kinh doanh của một NHTM khá cao, người gửi tiền và người nắm giữ trái phiếu NH đó sẽ yêu cầu NH trả lãi suất tiền gửi cao hơn hay là sẽ rút tiền gửi ra khỏi NH đó, điều này tất nhiên sẽ ảnh hưởng đến chi phí kinh doanh và năng lực cạnh tranh của NH. Ở tình huống thông thường, khi kỷ luật thị trường tồn tại người gửi tiền yêu cầu NH có độ rủi ro cao sẽ phải chi trả tiền lãi cao, nếu không thì người gửi tiền sẽ rút tiền gửi của mình từ NH có độ rủi ro cao chuyển sang NH có độ rủi ro thấp.

Bản thảo năm 2001 với việc thảo luận hiệp định Basel mới, tác dụng kỷ luật thị trường đã được nhấn mạnh. Kỷ luật thị trường, các yêu cầu vốn tối thiểu và quá trình kiểm tra giám sát được phối hợp với nhau, cùng nhau thành một trong ba trụ cột của cấu trúc khung hiệp ước mới.

Trong lĩnh vực nghiên cứu kỷ luật thị trường, các nhà nghiên cứu nước ngoài trong ngành NH đã nghiên cứu rất sâu và đạt được nhiều thành tựu, đồng thời đa số là nghiên cứu thực chứng người gửi tiền thực hiện kỷ luật thị trường. So sánh ở Việt Nam, chỉ vài năm gần đây cùng với việc ra

đòi Basel II, và việc cam kết thực hiện giám sát NH theo hiệp ước Basel II năm 2004, chúng ta mới biết đến kỷ luật thị trường như là một trong ba trụ cột của hiệp ước Basel II. Do vậy việc nghiên cứu kỷ luật thị trường ở khía cạnh định tính cũng như định lượng còn chưa phát triển. Đây là lý do chủ yếu tác giả muốn nghiên cứu hiện trạng Kỷ luật thị trường ngành NH Việt Nam hiện nay trên cơ sở phân tích định lượng.

## 2. MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này chủ yếu dựa vào phương pháp nghiên cứu của Demirguc-Kunt và Huizinga (1999 và 2004). Thông qua kiểm định mối quan hệ tương quan giữa lãi suất huy động thực tế của NHTM (chi phí trả lãi tiền gửi (I) ) và tỷ lệ tăng trưởng tiền gửi (G) với rủi ro của NHTM (X) để khảo sát tình hình Kỷ luật thị trường ngành ngân hàng của một quốc gia. Để tiến hành phân tích, phương pháp khá nổi tiếng này nhìn từ hai góc độ: NHTM có độ rủi ro cao có phải gánh chịu chi phí huy động vốn cao, và NHTM có độ rủi ro cao sẽ thu hút số lượng tiền gửi ít hơn hay không. Tác giả áp dụng mô hình này để phân tích tình hình Việt Nam. Phương trình tính toán như sau:

$$B_{j,t} = \alpha + \beta X_{j,t-1} + \gamma Y_{j,t} + \delta_1 D_{1j,t} + \delta_2 D_{2j,t} + \phi D_{j,t} X_{j,t-1} + \varepsilon_{j,t} \quad (1)$$

•  $B_{j,t}$ :  $I_{j,t}$  lãi suất huy động tiền gửi (chi phí trả lãi thực tế) của ngân hàng j

•  $B_{j,t}$ :  $G_{j,t}$  tỷ lệ tăng trưởng tiền gửi của ngân hàng j

•  $X_{j,t-1}$ : biểu thị biến số trạng thái rủi ro ở thời kỳ t-1 của ngân hàng j

-  $GQ_{j,t-1}$  (tỷ lệ vốn trên tài sản) Equity

-  $LD_{j,t-1}$  (tỷ lệ thanh khoản) Liquidity

-  $LR_{j,t-1}$  (tỷ lệ lợi nhuận) Profit

•  $Y_{j,t}$ : biến kinh tế vĩ mô, lấy chỉ số tỷ lệ lạm phát

•  $D_{1j,t}$ : bảo hiểm tiền gửi (BHTG)<sup>6</sup> là biến nhị phân (Tại Việt nam từ năm 2000 đã có Công ty BHTG Việt nam, đồng thời toàn bộ các NHTM tham gia chọn mẫu đều tham gia, vì vậy trong phương trình  $D_{1j,t}$  sẽ không tồn tại).

•  $D_{2j,t}$ : BHTG ẩn là biến nhị phân

•  $D_{j,t} \times X_{j,t-1}$ : là tích của hai biến  $D_{j,t}$  và  $X_{j,t-1}$

•  $\alpha$ : hằng số (constant)

•  $\beta$ ,  $\gamma$ ,  $\delta_k$ ,  $\phi$ : hệ số hồi quy (regression coefficients)

•  $\varepsilon_{j,t}$ : là phần dư của phương trình.

<sup>6</sup>Deposit Insurance

$$B_{j,t} = \alpha + \beta X_{j,t-1} + \gamma Y_{j,t} + \delta_2 D_{2j,t} + \phi D_{j,t} X_{j,t-1} + \varepsilon_{j,t} \quad (2)$$

$$\Rightarrow B_{j,t} = \alpha + \beta X_{j,t-1} + \gamma Y_{j,t} + \delta D_{j,t} + \phi D_{j,t} X_{j,t-1} + \varepsilon_{j,t} \quad (3)$$

•  $D_{j,t}$  : BHTG ẩn là biến nhị phân.

Nếu  $B_{j,t}$  là  $I_{j,t}$ , hệ số  $\beta$  âm thì có tồn tại kỷ luật thị trường, nếu  $B_{j,t}$  là  $G_{j,t}$ , hệ số  $\beta$  dương thì có tồn tại kỷ luật thị trường.

Giải thích các biến và lựa chọn:

Tác giả áp dụng phương trình tính toán trên với một số điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế của Việt Nam, tình hình số liệu mà tác giả đã thu thập được, và một số lý do khác. Cụ thể, việc lựa chọn các biến số có một số thay đổi như sau:

- Tác giả không sử dụng chỉ tiêu nợ xấu và tỷ lệ vốn an toàn tối thiểu (căn cứ để tính tỷ lệ này có chỉ tiêu tổng tài sản được điều chỉnh theo rủi ro) vì tác giả nhận thấy số liệu báo cáo của các NHTM về các chỉ tiêu trên chưa đảm bảo độ tin cậy.

- BHTG ẩn ở đây tác giả muốn nhấn mạnh sự bảo đảm tín dụng của Nhà nước đối với hoạt động của các NHTMNN, để phù hợp với hoàn cảnh kinh tế Việt Nam khi hệ thống NHTMNN vẫn tồn tại và chiếm vai trò chủ yếu, đồng thời Công ty bảo hiểm tiền gửi Việt Nam vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, chưa phản ánh đúng bản chất của nó trong nền kinh tế. Vì vậy tác giả gọi BHTG tại Việt Nam là BHTG ẩn.

- Công chúng biết kết quả kinh doanh các NHTM thường có độ trễ, giả định là một kỳ. Chúng ta thêm một biến chỉ tiêu vĩ mô, chọn tỷ lệ lạm phát thể hiện rủi ro hệ thống.

- Tác giả cho rằng các NHTM sau: Vietcombank (NHTMNN cổ phần hóa); Vietinbank (NHTMNN cổ phần hóa); BIDV; Agribank; MHB là NHTMNN.

### Mô tả các biến

Biến số	Mô tả	Dự đoán hệ số
$I_{j,t}$ (biến phụ thuộc)	lãi suất huy động của NH <sub>j</sub> tại thời điểm t (tỷ lệ tổng chi phí trả lãi thực tế mỗi năm và tổng nợ phải trả.)	
$G_{j,t}$ (biến phụ thuộc)	tỷ lệ tăng trưởng tiền gửi của NH <sub>j</sub> tại thời điểm t (tỷ lệ tăng trưởng vốn huy động của khách hàng.)	
$GQ_{j,t-1}$	tỷ lệ vốn tự có trên tổng tài sản	- Âm đối với $I_{j,t}$ - Dương đối với $G_{j,t}$
$LD_{j,t-1}$	tỷ lệ thanh khoản (tỷ lệ giữa tiền mặt và tiền gửi tại NHNN trên tổng tài sản)	- Âm đối với $I_{j,t}$ - Dương đối với $G_{j,t}$
$LR_{j,t-1}$	tỷ lệ lợi nhuận (tỷ lệ giữa lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản)	- Âm đối với $I_{j,t}$ - Dương đối với $G_{j,t}$
$D_{j,t}$	bảo hiểm tiền gửi ẩn NHTMNN là 1, NHTMCP là 0	- Âm đối với $I_{j,t}$ - Dương đối với $G_{j,t}$
$Y_{j,t}$	Tỷ lệ lạm phát	- Dương đối với $I_{j,t}$ - Âm đối với $G_{j,t}$

Nguồn số liệu

Để tính toán các chỉ tiêu trên, tất nhiên cần phải tiến hành thu thập và chỉnh lý số liệu, tác giả sử dụng số liệu tổng hợp có liên quan từ năm 2003 - 2010 của 21 NHTM, trong đó có 5 NHTMNN và 16 NHTMCP. Tỷ lệ lạm phát tác giả tham khảo từ báo cáo thường niên của Ngân hàng nhà nước. Các chỉ tiêu  $I_{j,t}$ ;  $G_{j,t}$ ;  $GQ_{j,t-1}$ ;  $LD_{j,t-1}$ ;  $LR_{j,t-1}$ ;  $D_{j,t}$  tác giả tự tính trên cơ sở tập hợp các báo cáo tài chính của 21 ngân hàng thương mại Việt Nam từ năm 2003 đến năm 2008. (VCB; Vietinbank; BIDV; Agribank; MHB; ACB; STB; EIB; TCB; EAB; MB; SGB; VIB; OCB; PNB; VPB; NAB; HDB; ABB; GDB; SCB).

Tất cả các số liệu tác giả đề cập đều được tính toán và lựa chọn phù hợp nên có tính tin cậy, và sử dụng được cho phân tích.

**Kết quả tính toán và phân tích kết quả.**

Sau khi xây dựng bảng dữ liệu, tác giả sử dụng chương trình máy tính SPSS kiểm định mô hình. Các kết quả lần lượt được trình bày trong các phần tiếp theo (chú ý: những con số trong dấu ngoặc là hệ số hồi qui đã chuẩn hóa; \* và \*\* là có ý nghĩa thống kê ở mức 10% và 5%).

### 3. KIỂM ĐỊNH MỐI QUAN HỆ TƯƠNG QUAN GIỮA CHI PHÍ HUY ĐỘNG TIỀN GỬI VỚI MỨC ĐỘ RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC NHTM.

#### 3a. Kiểm định toàn bộ các NHTM

Các từ (1) đến (6) kiểm định ảnh hưởng tình hình rủi ro của NHTM và BHTG ảnh hưởng đến chi phí trả lãi thực tế của ngân hàng.

**Bảng 1: Kết quả tính toán mô hình hồi qui đối với tất cả NHTM (Biến phụ thuộc là lãi suất huy động thực tế)**

Biến số	Các mô hình					
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
$GQ_{j,t-1}$	0.031 (0.075)			0.019 (0.047)		
$LD_{j,t-1}$		-0.078 (-0.119)			-0.094(*) (-0.144)	
$LR_{j,t-1}$			-0.015(*) (-0.142)			-0.011 (-0.101)
$D_{j,t}$				-0.011 (-0.178)	-0.01 (-0.168)	0.007 (0.124)
$Y_{j,t}$				0.290 (**) (0.496)	0.289 (**) (0.494)	0.306 (**) (0.522)
$D_{j,t} * X_{j,t-1}$				0.117 (0.093)	0.044 (0.054)	-0.081 (*) (-0.318)
Tổng quan sát	146	146	146	146	146	146
$R^2$	-0.001	0.007	0.013	0.237	0.251	0.294
F	0.811	2.076	2.983	12.362	13.239	16.179

Trong các mô hình từ (1) đến (3), chúng ta lần lượt dùng 3 biến rủi ro tính toán ảnh hưởng đối với lãi suất huy động, áp dụng phương pháp bình phương nhỏ nhất (GLS) tiến hành tính toán. Kết quả cả  $LD_{j,t-1}$ ,  $LR_{j,t-1}$  đều có hệ số hồi qui âm, biểu thị  $LD_{j,t-1}$ ,  $LR_{j,t-1}$  cao sẽ làm giảm lãi suất huy động thực tế. Nhưng chỉ có  $LR_{j,t-1}$  có ý nghĩa thống kê. Còn  $GQ_{j,t-1}$  có hệ số hồi qui dương, tương phản với dự đoán. Mô hình từ (4) đến (6) ứng với 3 biến rủi ro là  $GQ_{j,t-1}$ ,  $LD_{j,t-1}$ ,  $LR_{j,t-1}$ . Trong mỗi lần hồi qui chúng ta đồng thời lấy các biến kiểm soát  $Y_{j,t}$ ,  $D_{j,t}$  và  $D_{j,t} \times X_{j,t-1}$  đưa vào trong mô hình. Kết quả có 2 biến rủi ro có hệ số âm phù hợp với dự đoán, trong đó  $LD_{j,t-1}$  có ý nghĩa thống kê. Trong tất cả các lần hồi qui,  $Y_{j,t}$  đều có hệ số dương cùng dấu với dự đoán, và có ý nghĩa thống kê, thể hiện rõ ràng là khi lạm phát tăng thì lãi suất huy động tăng. Trong tất cả các lần hồi qui, mô hình (4) và (5)  $D_{j,t}$  có hệ số âm cùng dấu với dự đoán, trong khi (6)  $D_{j,t}$  có hệ số dương ngược dấu với dự đoán nhưng không có ý nghĩa thống kê. Đây có thể là biểu thị của việc BHTG ẩn, sự bảo đảm của Nhà nước, làm giảm lãi suất huy động đối với các NHTMNN là có, nhưng không quá rõ ràng. Vậy chúng ta cũng sẽ phải đặt câu hỏi là cơ chế BHTG ẩn này có bao gồm tất cả các NHTM hay không.

Từ những phân tích trên có thể nhận xét là Kỷ luật thị trường có tồn tại nhưng không mạnh, qua đó hai chỉ tiêu  $LD_{j,t-1}$  (tỷ lệ thanh khoản),  $LR_{j,t-1}$  (tỷ lệ lợi nhuận) có ảnh hưởng đến chi phí huy động vốn. Chỉ tiêu lạm phát  $Y_{j,t}$  rõ ràng ảnh hưởng đến lãi suất huy động, đúng với lý thuyết tài chính tiền tệ.

**3b. Kiểm định từng nhóm NHTM**

Nhằm hiểu rõ hơn về kỷ luật thị trường đối với từng nhóm ngân hàng, chúng ta loại bỏ  $D_{j,t}$  ra khỏi mô hình, để so sánh sự thay đổi của lãi suất huy động của hai nhóm NHTM có bị tác động ảnh hưởng của một số nhân tố giống nhau hay không, ví dụ như kết quả kinh doanh của NHTM và nhận thức của người gửi tiền đối với rủi ro NH. Người gửi tiền có sự phân biệt giữa NHTMNN và NHTMCP hay không, hay nói cách khác BHTG ẩn hiện nay bao trùm lên toàn bộ hệ thống NHTM, hay Nhà nước chỉ bảo đảm tín dụng đối với nhóm NHTMNN. Trong các mô hình hồi qui từ (7) đến (12), chúng ta tiến hành tính toán cho từng nhóm NHTM. Cách tính toán đối với mỗi nhóm ngân hàng là giống nhau, tức là lần lượt áp dụng  $GQ_{j,t-1}$ ,  $LD_{j,t-1}$ ,  $LR_{j,t-1}$  là biến rủi ro, lấy  $Y_{j,t}$  là biến kiểm soát khi hồi qui.

**Bảng 2: Kết quả tính toán đối với 2 nhóm NHTM (Biến phụ thuộc là lãi suất huy động thực)**

Biến	NHTMNN			NHTMCP		
	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
$GQ_{j,t-1}$	0.108 (0.120)			0.020 (0.047)		
$LD_{j,t-1}$		-0.059 (-0.089)			-0.095(*) (-0.147)	
$LR_{j,t-1}$			-0.091 (**) (-0.582)			-0.011 (-0.106)
$Y_{j,t}$	0.218 (*) (0.472)	0.204 (*) (0.441)	0.293 (**) (0.636)	0.312 (**) (0.508)	0.316 (**) (0.514)	0.309 (**) (0.503)

Tổng quan sát	34	34	34	111	111	111
R <sup>2</sup>	0.165	0.159	0.473	0.246	0.265	0.255
F	4.366	4.215	16.261	19.064	21.041	19.962

Trong các mô hình (7) (8) (9), tiến hành hồi qui 3 lần đối với NHTMNN. Kết quả là  $GQ_{j,t-1}$  có hệ số dương ngược với dự đoán;  $LD_{j,t-1}$  và  $LR_{j,t-1}$  có hệ số âm, trong đó  $LR_{j,t-1}$  có ý nghĩa thống kê. Mô hình (10) (11) (12) tiến hành hồi qui 3 lần đối với NHTMCP. Kết quả là  $LD_{j,t-1}$  (có ý nghĩa thống kê) và  $LR_{j,t-1}$  có hệ số âm phù hợp với dự đoán, nên phần nào cũng phản ánh được một kỷ luật thị trường có hoạt động ở nhóm NHTMCP này. Kỷ luật thị trường đều tồn tại ở 2 nhóm, nhưng không rõ nét. Nhóm NHTMCP chỉ tiêu  $LD_{j,t-1}$  được thị

trường quan tâm, trong khi nhóm NHTMNN chỉ tiêu  $LR_{j,t-1}$  lại được thị trường quan tâm.

Trong cả 6 mô hình ở 2 nhóm NHTM, thì  $Y_{j,t}$  đều có hệ số dương có ý nghĩa thống kê, phản ánh được một cơ chế lãi suất hình thành trên nền kinh tế thị trường đang được phản ánh rất rõ nét.

#### 4. KIỂM ĐỊNH MỐI QUAN HỆ TƯƠNG QUAN GIỮA TỶ LỆ TĂNG TRƯỞNG TIỀN GỬI HÀNG NĂM VỚI MỨC ĐỘ RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC NHTM.

**Bảng 3: Kết quả tính toán đối với tất cả NHTM (Biến phụ thuộc là tăng trưởng tiền gửi)**

Biến số	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
$GQ_{j,t-1}$	4.828 (**) (0.395)			4.496 (**) (0.368)		
$LD_{j,t-1}$		1.236 (0.063)			1.749 (0.090)	
$LR_{j,t-1}$			-0.195 (-0.061)			-0.218 (-0.068)
$D_{j,t}$				-0.038 (-0.021)	-0.147 (-0.083)	-0.396 (*) (-0.224)
$Y_{j,t}$				-1.303 (-0.075)	-1.597 (-0.092)	-1.491 (-0.086)
$D_{j,t} \times X_{j,t-1}$				-2.404 (-0.064)	-3.814 (-0.156)	-0.016 (-0.002)
Tổng quan sát	146	146	146	146	146	146
R <sup>2</sup>	0.151	-0.003	-0.003	0.144	0.039	0.035
F	26.875	0.583	0.536	7.145	2.492	2.338

**4a. Kiểm định toàn bộ các NHTM**

Trong các mô hình (13) (14) (15), chúng ta lần lượt xem xét ảnh hưởng của 3 biến rủi ro đối với tăng trưởng tiền gửi, áp dụng phương pháp bình phương nhỏ nhất thông thường. Kết quả là:  $GQ_{j,t-1}$ ,  $LD_{j,t-1}$  có hệ số dương, trong đó  $GQ_{j,t-1}$  có ý nghĩa thống kê,  $LR_{j,t-1}$  có hệ số âm, ngược với dự đoán. Các mô hình (16) (17) (18) có 3 biến rủi ro:  $GQ_{j,t-1}$ ,  $LD_{j,t-1}$ ,  $LR_{j,t-1}$ . Trong mỗi lần hồi qui chúng ta đồng thời đưa biến kiểm soát  $Y_{j,t}$ ,  $D_{j,t}$  và  $D_{j,t} \times X_{j,t-1}$  vào trong mô hình. Kết quả là:  $GQ_{j,t-1}$ ,  $LD_{j,t-1}$  có hệ số dương, trong đó  $GQ_{j,t-1}$  có ý nghĩa thống kê, còn  $LR_{j,t-1}$  có hệ số âm, ngược với dự đoán. Hệ số  $Y_{j,t}$  trong tất cả các mô hình đều âm cho thấy  $Y_{j,t}$  tăng có tác dụng ảnh hưởng giảm thấp tăng trưởng tiền gửi. Hệ số  $D_{j,t}$  của cả 3 mô hình có hệ số âm, và trong đó có 1 mô hình là có ý nghĩa thống kê ngược dấu với dự đoán.

Qua phân tích chúng ta có thể nhận thấy thị trường quan tâm đến chỉ tiêu rủi ro  $GQ_{j,t-1}$  (tỷ lệ vốn tự có trên tổng tài sản), kỷ luật thị trường có tồn tại.

**4b. Kiểm định từng nhóm NHTM**

Tiếp theo, chúng ta loại bỏ  $D_{j,t}$  ra khỏi mô hình, so sánh tỷ lệ tăng trưởng

tiền gửi của 2 nhóm NHTM có bị tác động ảnh hưởng của một số nhân tố giống nhau hay không.

Nếu chỉ số thống kê của nhóm NHTMNN đối với sự ảnh hưởng đến chỉ tiêu tăng trưởng tiền gửi không rõ ràng, trong khi nhóm NHTMCP mà rõ ràng hơn, thì ít nhất chúng ta có thể xác định được Kỷ luật thị trường đối với nhóm NHTMCP phản ứng mạnh hơn. Như vậy một sự lý giải hợp lý cho việc Kỷ luật thị trường của nhóm NHTMNN yếu hơn chính là chế độ BHTG ẩn, sự bảo đảm tín dụng của nhà nước đối với NHTMNN, khiến cho người gửi tiền phản ứng một cách không rõ ràng đối với các chỉ tiêu rủi ro NH, hay cũng có thể nói họ không quan tâm đến các chỉ tiêu rủi ro này. Còn đối với nhóm NHTMCP không có được chế độ BHTG ẩn, hay nếu có thì bị giới hạn, vì vậy người dân không thể không quan tâm đến các chỉ tiêu rủi ro, hay chí ít là có quan tâm mạnh hơn so với nhóm NHTMNN, để từ đó đưa ra các quyết định đầu tư hợp lý.

**Bảng 4: Kết quả tính toán đối với 2 nhóm NHTM (Biến phụ thuộc là tăng trưởng tiền gửi)**

Biến	NHTMNN			NHTMCP		
	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
$GQ_{j,t-1}$	2.517 (*) (0.464)			4.489 (**) (0.340)		
$LD_{j,t-1}$		-1.959 (**) (-0.489)			1.765 (0.086)	
$LR_{j,t-1}$			-0.383 (**) (-0.408)			-0.221 (-0.068)
$Y_{j,t}$	-0.229 (-0.082)	-0.590 (-0.212)	-0.124 (-0.044)	-1.626 (-0.084)	-1.911 (-0.098)	-1.874 (-0.097)
Số quan sát	34	34	34	111	111	111
$R^2$	0.190	0.223	0.129	0.108	-0.002	-0.005
F	4.979	5.888	3.517	7.753	0.901	0.747

Trong các mô hình (19), (20) và (21),  $GQ_{j,t-1}$  có hệ số dương cùng dấu với dự đoán và có ý nghĩa thống kê rõ ràng. Trong khi 2 biến rủi ro còn lại  $LD_{j,t-1}$  và  $LR_{j,t-1}$  đều có hệ số âm, ngược dấu dự đoán và cũng có ý nghĩa thống kê. Từ phân tích trên ta có thể nhận định kỷ luật thị trường của nhóm NHTMNN rất yếu hay có thể nói là hầu như không có. Trong các mô hình (22), (23) và (24),  $GQ_{j,t-1}$  và  $LD_{j,t-1}$  có hệ số dương, trong đó  $GQ_{j,t-1}$  phản ứng có ý nghĩa thống kê,  $LR_{j,t-1}$  có hệ số âm, ngược dấu với hệ số dự báo nhưng không có ý nghĩa thống kê. Từ đó ta có thể nhận định kỷ luật thị trường của nhóm NHTMCP cũng không phải là mạnh nhưng so với nhóm NHTMNN thì phản ứng có rõ ràng hơn.

Trong cả 6 mô hình thì  $Y_{j,t}$  đều có hệ số âm, cùng dấu với hệ số dự báo nhưng không có ý nghĩa thống kê. Chỉ tiêu  $GQ_{j,t-1}$  (tỷ lệ vốn tự có trên tổng tài sản) ở cả hai nhóm ngân hàng đều được người gửi tiền quan tâm và có tác động đến chỉ tiêu tăng trưởng tiền gửi.

Như vậy quan điểm của người dân về quy tắc "Too big to fail" (quá lớn không thể sụp đổ) ở Việt Nam vẫn đang tồn tại. Nhà nước vì xã hội và sự ổn định nền kinh tế sẽ không để cho các NHTM phá sản. Quan điểm này đã thấm sâu vào trong suy nghĩ của mọi người, vì vậy loại BHTG ẩn này đã làm cho người gửi tiền hầu như không quan tâm đến các chỉ tiêu rủi ro của các NHTMNN (tất nhiên còn nhiều lý do khác như người gửi tiền có quá ít con đường để đầu tư). Trong khi đó, các NHTMCP là các doanh nghiệp thực sự, tự chịu trách nhiệm kinh doanh, hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận. Tuy nhiên, đối tượng này vẫn nhận được sự bảo đảm tín dụng và giúp đỡ của nhà nước có giới hạn bởi vì vai trò của nó đối với nền kinh tế là rất lớn. Chính vì vậy, khi các NHTMCP gặp khó khăn, nhà nước thường áp dụng biện pháp hành chính (như tái cấu trúc, sáp nhập...) để đảm bảo quyền lợi

của người gửi tiền. Mặc dù vậy, ở phương diện nào đó, người dân vẫn quan tâm đến các chỉ tiêu rủi ro của các NHTMCP hơn là NHTMNN. Nhưng xét về mặt tổng thể, kỷ luật thị trường của ngành NH Việt Nam trong một nền kinh tế toàn cầu là còn rất yếu, chưa thể xem đó là một bộ phận cấu thành trong hệ thống giám sát tài chính NH Việt Nam.

## 5. KẾT LUẬN VÀ THẢO LUẬN

Từ hai góc độ phân tích là lãi suất huy động và tăng trưởng tiền gửi của các NHTM, thì chúng ta có kết quả tương đồng về Kỷ luật thị trường ở ngành NH Việt Nam, và đối với từng nhóm NHTM.

Kỷ luật thị trường đã bắt đầu hình thành trong ngành NH Việt Nam, nhưng hoạt động còn yếu. Kỷ luật thị trường của nhóm NHTMNN hoạt động tương đối yếu hơn so với nhóm NHTMCP. Tỷ lệ lạm phát quan hệ rất chặt chẽ với lãi suất huy động vốn theo đúng với lý thuyết tài chính tiền tệ, từ đó chúng ta có thể cho thấy được phần nào các quy luật tài chính tiền tệ đang hoạt động có hiệu quả tại Việt Nam.

Cũng nên thừa nhận, trong hơn 20 năm, BHTG ẩn của nhà nước ở một mức độ nhất định đã duy trì sự ổn định của hệ thống tài chính – ngân hàng, nhưng cùng với sự cải cách không ngừng của ngành NH, Chính phủ đã không nên tiếp tục duy trì việc bảo hộ che chở cho các NHTM (NHTMNN hay NHTMCP), cần xây dựng chế độ BHTG phù hợp với nguyên tắc thị trường thay thế chế độ BHTG ẩn – đó là 1 chế độ BHTG hiệu quả và mạng lưới an toàn tài chính với cơ chế người cho vay cuối cùng là NHNN làm nội dung chủ yếu. Vì vậy xây dựng chế độ BHTG hiệu quả nên trở thành một bước đi quan trọng trong việc cải cách sâu rộng ngành NH nước ta. Đồng thời tiếp tục tăng cường giám sát ngân hàng, kiểm soát nội bộ, tăng cường minh bạch thông tin tài chính của các Tổ chức tín dụng.

Nâng cao trình độ và chuyên nghiệp hóa đội ngũ làm công tác báo chí, làm sao cho người dân hiểu và tin cậy thông tin của các tổ chức truyền thông đưa ra, tổ chức truyền thông này đang bảo vệ họ, chứ không phải đang bảo vệ cho một số cá nhân có thể lực nào đó. Đặc biệt là phải làm sao nâng cao trình độ hiểu biết của nhà đầu tư về lĩnh vực tài chính NH (vì theo tác giả, hiện nay đại bộ phận người gởi tiền xem không hiểu các báo cáo mà NHTM công bố, cho nên họ cũng không quan tâm đến các chỉ tiêu tài chính, thông tin tài chính của NHTM, đây cũng là một lý do Kỹ luật thị trường ngành ngân hàng hoạt động rất yếu).

Tất cả các vấn đề trên không phải là một sớm một chiều có thể giải quyết được. Vì vậy việc quá đề cao kỹ luật tự thân của thị trường (bàn tay vô hình) hay quá dựa dẫm vào hệ thống kiểm soát và kiểm toán nội bộ trong các doanh nghiệp trong khi lại không chú trọng đúng mức tới vai trò điều tiết và giám sát của Nhà nước là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn tới khủng hoảng, đổ vỡ nền tài chính (bài học ở Mỹ năm 2008). Đây cũng là một bài học cho hệ thống tài chính NH Việt Nam, khi mà nền kinh tế thị trường còn rất non trẻ và chưa hoàn hảo, thì chắc chắn bàn tay vô hình chưa phát huy được tác dụng vốn có của nó, thì hiển nhiên vai trò thanh tra giám sát của các cơ quan nhà nước phải được đề cao và chú trọng, phải là một khâu mấu chốt của Hệ thống thanh tra giám sát tài chính ngân hàng Việt Nam giai đoạn hiện nay. Đây là một vấn đề không cần phải tranh luận.

Cụ thể vừa qua chính phủ thông qua quyết định Số 34/2008/QĐ-TTg ngày 03 tháng 03 năm 2008 về việc thành lập ủy ban giám sát tài chính (GSTC) quốc gia, theo quy định Ủy ban GSTC Quốc gia (National Financial Supervisory Commission - NFSC) là một cơ quan của Chính phủ Việt Nam có chức năng tham mưu, tư vấn

cho Thủ tướng Chính phủ trong điều phối hoạt động GS thị trường tài chính quốc gia (NH, CK, BH); giúp Thủ tướng Chính phủ GS chung thị trường TC quốc gia. Và quyết định số 83/2009/QĐ-TTg về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan thanh tra, GSNH trực thuộc Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam, thì cơ quan trên thực hiện chức năng thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành và GS chuyên ngành về NH trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của NHNN; tham mưu, giúp Thống đốc NHNN quản lý nhà nước đối với các TCTD, tổ chức tài chính quy mô nhỏ, hoạt động NH của các tổ chức khác; thực hiện phòng, chống rửa tiền theo quy định của pháp luật (PL). Cơ quan thanh tra, GSNH được thành lập trên cơ sở tổ chức lại 4 đơn vị trực thuộc NHNN bao gồm Thanh tra, Vụ các NH, Vụ các TCTD hợp tác và Trung tâm thông tin phòng chống rửa tiền. Việc thành lập Cơ quan thanh tra GSNH có ý nghĩa đặc biệt, đánh dấu bước tiến quan trọng trong quá trình cải cách cơ cấu tổ chức NHNN với mục tiêu nâng cao năng lực, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Ngày 16/6/2010, Quốc hội đã thông qua Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Luật số 46/2010/QH12; dưới đây viết tắt là Luật NHNN 2010), thay thế Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 (Luật Ngân hàng Nhà nước 1997) và Luật sửa đổi, bổ sung số 10/2003/QH11; trong đó, đã dành trọn Chương V, với 13 Điều quy định về Thanh tra, giám sát ngân hàng. Quyết định số 06/2008/QĐ-NHNN về xếp loại NHTM cổ phần, Thông tư 13/2010/TT-NHNN quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn của TCTD, và nhiều văn bản pháp luật khác liên quan đến vấn đề tổ chức cơ cấu và nghiệp vụ thanh tra giám sát ngành ngân hàng, tăng cường công tác thanh tra giám sát các TCTD là rất phù hợp và cần thiết.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Báo cáo thường niên của Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam từ năm 2003 đến năm 2010.
2. Báo cáo tài chính của 21 ngân hàng thương mại: VCB; Vietinbank; BIDV; Agribank; MHB; ACB; STB; EIB; TCB; EAB; MB; SGB; VIB; OCB; PNB; VPB; NAB; HDB; ABB; GDB; SCB từ năm 2003 đến năm 2010.
3. Khúc Quang Huy (2006) “Basel II sự thống nhất quốc tế về đo lường và các tiêu chuẩn vốn” Nhà xuất bản văn hóa – thông tin.
4. Demirguc-Kunt và Huizinga (1999) “Market discipline and financial safety net design”, Finance, Policy Research Working Paper, Development Research Group, The World Bank.
5. Demirguc-Kunt và Huizinga (2004) “Market discipline and deposit insurance” Journal of Monetary Economics, 51 (2004).
6. Zhang Zheng Ping - 张正平, He Guang Wen - 何广文 “Nghiên cứu thực chứng kỷ luật thị trường ngành ngân hàng Trung Quốc - 我国银行业市场约束力的实证研究 (1994-2003)” Tạp chí nghiên cứu tài chính - 金融研究, 2005 (10).
7. Tan Wei Dong - 谭卫东, Gao Bin Bin - 高彬彬 “Nghiên cứu hiệu ứng kỷ luật thị trường ngành ngân hàng Trung Quốc - 我国银行业市场约束效应研究” Tạp chí kinh tế hiện đại - 当代经济, 2007 (6).
8. Ruan Jian Wen - 阮建文 “Thực trạng và sự ảnh hưởng kỷ luật thị trường ngành ngân hàng Trung Quốc đến GSNH có hiệu quả - 中国银行业市场约束状况及其对监管有效性的影响” Tạp chí tài chính mới - 新金融, 2009 (2).